

Số: 14/QĐ-CĐYT

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v Ban hành chương trình đào tạo

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-CĐYT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Y tế Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CĐYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành học Cao đẳng Y sỹ;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành học Cao đẳng Y sỹ;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành học Cao đẳng Y sỹ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo theo tín chỉ ngành Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng hệ chính quy (Chương trình chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Chương trình này được áp dụng để tổ chức đào tạo cho ngành học Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng hệ chính quy.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các phòng và khoa, toàn thể giảng viên và học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Y tế Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Văn Trang

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA THEO TÍN CHỈ**

*(Ban hành theo Quyết định số: 14/QĐ-CĐYT ngày 08 tháng 01 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)*

- Tên ngành đào tạo : **Y sỹ đa khoa**
- Mã ngành : 6720101
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy tập trung
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

Chương trình khung đào tạo Cao đẳng Y sỹ Đa khoa hệ chính quy theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

## **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

- Đào tạo người Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng: Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn ở trình độ cao đẳng, làm nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.
- Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh.
- Có đủ sức khỏe, không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

## 1.2 Mục tiêu cụ thể:

### 1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người, sinh lý bệnh - miễn dịch, triệu chứng học, bệnh học, bệnh chuyên khoa,... để phân tích, hoạch định và thực hiện chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường.

- Trình bày và phân tích được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Hiểu rõ và thực hiện đúng những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ đã được học vào công việc hành nghề y sau khi tốt nghiệp.

- Trình bày và phân tích được về luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Thực hiện đúng các nội dung cơ bản của Luật Khám chữa bệnh và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề y.

### 1.2.2. Về kỹ năng:

#### \* Kỹ năng cứng:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường.

- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở và chuyên tuyến nếu vượt quá phạm vi chuyên môn theo quy định.

- Làm được một số thủ thuật theo qui định của Bộ Y tế.

- Quản lý và triển khai thực hiện được các chương trình y tế trong hệ thống y tế Việt Nam hiện hành; phát hiện sớm dịch bệnh, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.

#### \* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là giao tiếp tốt với bệnh nhân và đồng nghiệp.

- Rèn luyện cho các Y sĩ làm việc với thái độ chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết, chu đáo, luôn tôn trọng cảm thông cho người bệnh.

- Phối hợp làm việc nhóm tốt, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao

- Có khả năng ứng dụng tốt các kiến thức về ngoại ngữ, tin học vào công tác khám, chữa bệnh.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng độc lập trong làm việc ; tự học, cập nhật kiến thức để đáp ứng như cầu công việc.

- Có khả năng tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân. Năng động, nhiệt tình, có tinh thần sáng tạo, đổi mới, hợp tác trong công việc.

- Có khả năng làm việc nhóm, dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về công việc của nhóm, bộ phận được giao phụ trách, quản lý.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng sau khi tốt nghiệp, được đào tạo đáp ứng đầy đủ năng lực chuyên môn có nhiệm vụ chẩn đoán, điều trị và quản lý các vấn đề sức khỏe thông thường; cung cấp chăm sóc sức khỏe tổng quát ban đầu, theo dõi tình trạng sức khỏe và quản lý bệnh nhân; tư vấn, giáo dục bệnh nhân về sức khỏe và phòng ngừa bệnh theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLTBYT-BNV ngày 27/5/2015 về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y sỹ đa khoa.

Một số vị trí việc làm, công việc cụ thể của ngành Y sỹ đa khoa:

- Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường cho nhân dân tại Trạm Y tế và quản lý sức khỏe cộng đồng khu vực phụ trách: Tiếp nhận bệnh nhân, lắng nghe và thu thập thông tin về triệu chứng, lịch sử bệnh, và tình trạng sức khỏe hiện tại.

- Chăm sóc tổng quát: Người y sỹ cung cấp chăm sóc tổng quát cho bệnh nhân bao gồm tầm soát sức khỏe định kỳ, cung cấp các lời khuyên về: Dinh dưỡng, tập thể dục và lối sống lành mạnh để các bệnh nhân thay đổi và tiến triển nhanh nhất cho sức khỏe. Ngoài ra Y sỹ đa khoa còn theo dõi tình trạng sức khỏe của bệnh nhân theo thời gian, quản lý các bệnh mạn tính, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa bệnh tật.

- Quản lý bệnh nhân: Y sỹ đa khoa cũng có nhiệm vụ quản lý bệnh nhân trong suốt quá trình điều trị. Theo dõi sự tiến triển của sức khỏe bệnh nhân, đánh giá hiệu quả của điều trị và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc sức khỏe nếu cần thiết. Các Y sỹ đa khoa cũng cung cấp hướng dẫn và giáo dục cho bệnh nhân về việc quản lý bệnh lý và theo dõi tình trạng sức khỏe cá nhân. Xây dựng tủ thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc một cách an toàn và hợp lý. Trong đó cũng có kế hoạch quản lý các nguồn thuốc; xây dựng phát triển thuốc nam, kết hợp ứng dụng y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh.

- Chuyển tiếp chuyên môn: Các Y sỹ đa khoa xây dựng, lên kế hoạch hoạt động và lựa chọn chương trình ưu tiên về chuyên môn y tế trong phạm vi phụ trách. Trong một số trường hợp, y sỹ đa khoa có thể chuyển tiếp bệnh nhân đến các chuyên gia chuyên môn khi cần thiết. Trong đó các Y sỹ đa khoa đóng vai trò cung cấp thông tin và hướng dẫn cho bệnh nhân về các chuyên gia phù hợp để tiếp tục quá trình chẩn đoán và điều trị. Quản lý các chỉ số sức khỏe, quản lý thai, quản lý bệnh nhân mãn tính theo chỉ định của bác sĩ tại cộng đồng và tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật.

- Tư vấn và giáo dục: Y sỹ đa khoa cũng đóng vai trò tư vấn và giáo dục bệnh nhân về các vấn đề sức khỏe, bao gồm cả bệnh, phòng ngừa bệnh, và cách duy trì một lối sống lành mạnh. Cùng với đó các Y sỹ đa khoa sẽ cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc, và đưa ra các khuyến nghị để bệnh nhân có thể tham gia tích cực vào việc quản lý sức khỏe của mình. Tuyên truyền vận động, triển khai thực hiện các biện pháp chuyên môn về bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình.

- Phòng chống dịch bệnh: Phát hiện và báo cáo kịp thời bệnh dịch, ổ dịch, tác nhân gây bệnh, yếu tố nguy cơ gây dịch, bệnh đối với sức khỏe cộng đồng; Tham gia tổ chức phòng chống dịch, bệnh, các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng.

- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên y tế/dân số tại cộng đồng ở địa phương;

- Tham mưu cho chính quyền xã, phường, thị trấn và cấp có thẩm quyền trong việc quản lý, thực hiện các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và tổ chức thực hiện những nội dung chuyên môn thuộc chương trình trọng điểm về y tế tại địa phương.

#### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:**

- Với khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đã đạt được sau khi tốt nghiệp, Y sĩ trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn.

- Người học sau khi tốt nghiệp Y sĩ cao đẳng có thể học tập, cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ chuyên môn như chuyên khoa sơ bộ, chứng chỉ bồi dưỡng,... hoặc tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn như Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ chuyên khoa, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

## **2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC:**

- Số lượng môn học: 35 môn học

- Số tín chỉ: 101 tín chỉ

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.655 giờ, trong đó :

+ Khối lượng các môn học chung: 435 giờ

+ Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành : 2.220 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 901 giờ

- Khối lượng thực hành: 1.668 giờ

- Kiểm tra : 86 giờ

- Thời gian khóa học: 03 năm

### 3. Nội dung chương trình – Bảng mô tả tóm tắt nội dung

#### 3.1. Nội dung chương trình

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổng		Thời gian học tập (giờ)				
					LT	Thực hành, thảo luận, thí nghiệm, bài tập			KT
			Số TC	Số tiết		TH1	TH2	TH3	
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>								
1	1140353	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0	75	36		35		4
2	1140392	Giáo dục thể chất	0	60	5		51		4
3	1141057	Chính trị	4	75	41	29			5
4	1140505	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		6
5	1140196	Tin học	3	75	14		58		3
6	1140914	Pháp luật	2	30	18	10			2
	<b>Tổng</b>		<b>14</b>	<b>435</b>	<b>156</b>	<b>67</b>	<b>188</b>	<b>0</b>	<b>24</b>
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>								
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>								
7	1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
8	1110212	Điều dưỡng cơ bản	4	135	14		29	89	3
9	1111041	Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	2	30	29				1
10	1130266	Dược lý	3	60	28	30			2
11	1120112	Hoá sinh lâm sàng	2	30	28				2
12	1140272	Sinh học và Di truyền	2	30	28				2
13	1140193	Xác suất - Thống kê Y học	2	45	14	29			2
14	1130267	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	2	30	28				2
15	1130268	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45	43				2
16	1130269	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	29		29		2
17	1130270	Giải phẫu - Sinh lý	5	120	29	29	59		3
18	1130272	Các chương trình y tế và Tổ chức-Quản lý y tế	2	45	14	29			2
19	1130273	Sức khỏe môi trường - sức khỏe nghề nghiệp	2	30	28				2
20	1130081	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	29				1

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổng		Thời gian học tập (giờ)				
					LT	Thực hành, thảo luận, thí nghiệm, bài tập			KT
			Số TC	Số tiết		TH1	TH2	TH3	
		<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>735</b>	<b>355</b>	<b>146</b>	<b>117</b>	<b>89</b>	<b>28</b>
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>								
21	1130274	Triệu chứng học nội khoa	3	75	29			44	2
22	1130275	Triệu chứng học ngoại khoa	3	75	29			44	2
23	1130276	Bệnh học nội khoa	5	135	44			89	2
24	1130277	Bệnh học ngoại khoa	5	135	44			89	2
25	1130278	Sản phụ khoa	5	135	44			89	2
26	1130279	Nhi khoa	5	135	44			89	2
27	1130280	Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	3	105	14			89	2
28	1130239	Bệnh chuyên khoa	3	75	29			44	2
29	1130282	Bệnh truyền nhiễm	3	75	29			44	2
30	1130238	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2
31	1130283	Phục hồi chức năng	2	60	14			44	2
32	1130642	Y tế cộng đồng	2	60	14			44	2
33	1130284	Tâm thần	2	60	14			44	2
34	1130240	Thực tập tốt nghiệp	4	180				175	5
		<b>Tổng</b>	<b>47</b>	<b>1365</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>972</b>	<b>31</b>
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn sau)</b>								
35	1130064	Sức khỏe trẻ em hỗ trợ	4	120	28			89	3
36	1130285	Sức khỏe sinh sản hỗ trợ	4	120	28			89	3
		<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>28</b>			<b>89</b>	<b>3</b>
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101</b>	<b>2655</b>	<b>901</b>	<b>213</b>	<b>305</b>	<b>1150</b>	<b>86</b>
		<b>TỶ LỆ %</b>			<b>33.94</b>	<b>8.02</b>	<b>11.49</b>	<b>43.31</b>	<b>3.24</b>

TH1 là tích hợp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng thí nghiệm/SKILL LAB

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

KT là kiểm tra

*Ghi chú:* Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ.

**Phân bổ Chương trình đào tạo toàn khóa**

STT	Tên môn học	Tổng		LT	Thời gian học tập (giờ)			KT	TT /HK
		Số TC	Số tiết		Thực hành, thảo luận, thí nghiệm, bài tập				
					TH1	TH2	TH3		
<b>Học kỳ I</b>									
1	Giải phẫu - Sinh lý	5	120	29	29	59		3	1
2	Giáo dục thể chất	0	60	5		51		4	2
3	Chính trị	4	75	41	29			5	3
4	Pháp luật	2	30	18	10			2	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		6	5
6	Sinh học và Di truyền	2	30	28				2	6
<b>Tổng số Học kỳ I</b>		<b>18</b>	<b>435</b>	<b>163</b>	<b>96</b>	<b>154</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	
<b>Học kỳ II</b>									
1	Tin học	3	75	14		58		3	1
2	Vì sinh - Ký sinh trùng	3	60	29		29		2	2
3	Dược lý	3	60	28	30			2	3
4	Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	2	30	29				1	4
5	Hoá sinh lâm sàng	2	30	28				2	5
6	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	2	30	28				2	6
7	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	0	75	36		35		4	7
<b>Tổng số Học kỳ II</b>		<b>15</b>	<b>360</b>	<b>192</b>	<b>30</b>	<b>122</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	
<b>Học kỳ III</b>									
1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2	1
2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45	43				2	2
3	Sức khỏe môi trường - sức khỏe nghề nghiệp	2	30	28				2	3
4	Điều dưỡng cơ bản	4	135	14		29	89	3	4
5	Triệu chứng học nội khoa	3	75	29			44	2	5
6	Triệu chứng học ngoại khoa	3	75	29			44	2	6
<b>Tổng số Học kỳ III</b>		<b>17</b>	<b>405</b>	<b>157</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	<b>177</b>	<b>13</b>	
<b>Học kỳ IV</b>									
1	Bệnh học nội khoa	5	135	44			89	2	1
2	Bệnh học ngoại khoa	5	135	44			89	2	2
3	Tâm thần	2	60	14			44	2	3
4	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2	4



STT	Tên môn học	Tổng		Thời gian học tập (giờ)					TT
5	Phục hồi chức năng	2	60	14			44	2	5
6	Bệnh chuyên khoa	3	75	29			44	2	6
<b>Tổng số Học kỳ IV</b>		<b>19</b>	<b>525</b>	<b>159</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>354</b>	<b>12</b>	
<b>Học kỳ V</b>									
1	Xác suất - Thống kê Y học	2	45	14	29			2	1
2	Sản phụ khoa	5	135	44			89	2	2
3	Nhi khoa	5	135	44			89	2	3
4	Các chương trình y tế và Tổ chức- Quản lý y tế	2	45	14	29			2	4
5	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	29				1	5
6	Bệnh truyền nhiễm	3	75	29			44	2	6
<b>Tổng số Học kỳ V</b>		<b>19</b>	<b>465</b>	<b>174</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>222</b>	<b>11</b>	
<b>Học kỳ VI</b>									
1	Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	3	105	14			89	2	1
2	Y tế cộng đồng	2	60	14			44	2	2
3	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn sau): - Sức khỏe trẻ em hỗ trợ - Sức khỏe sinh sản hỗ trợ	4	120	28			89	3	3
4	Thực tập tốt nghiệp	4	180				175	5	4
<b>Tổng số Học kỳ VI</b>		<b>13</b>	<b>465</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>397</b>	<b>12</b>	
<b>Tổng toàn khóa</b>		<b>101</b>	<b>2655</b>	<b>901</b>	<b>213</b>	<b>305</b>	<b>1150</b>	<b>86</b>	

**Ghi chú:** Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng TN

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

TT/HK là thứ tự trước sau trong học kỳ

### 3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

#### 1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 0TC/75 giờ (LT 36/TH2 35/KT 4)

Nội dung ban hành theo Thông tư 10/2018 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

#### 2. Giáo dục thể chất: 0TC/60 giờ (LT 5/TH2 51/KT 4)

Nội dung ban hành theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các

môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

### **3. Chính trị: 4TC/75 giờ (LT 41/TH1 29/KT 5)**

Nội dung ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

### **4. Tiếng Anh: 5TC/120 giờ (LT 42/TH1 28/TH2 44/KT 6)**

Nội dung ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

### **5. Tin học: 3TC/75 giờ (LT 14/TH2 58/KT 3)**

Nội dung ban hành theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

### **6. Pháp luật: 2TC/30 giờ (LT 18/TH1 10/KT 2)**

Nội dung ban hành theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

### **7. Tiếng Anh chuyên ngành: 2TC/45 giờ (LT 14/TH1 29/KT 2)**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng giao tiếp thông dụng. Nhờ đó, giúp cho người học có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ chuyên ngành và thực hiện giao tiếp thông thường.

### **8. Điều dưỡng cơ bản: 4TC/135 giờ (LT 14/TH2 29/TH3 89/KT 3)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản về điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng, qui trình điều dưỡng; các kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh.

### **9. Dinh dưỡng – An toàn vệ sinh thực phẩm: 2TC/30 giờ (LT 29/KT 1)**

Dinh dưỡng – An toàn vệ sinh thực phẩm là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này người học có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

**10. Dược lý: 3TC/60 giờ (LT 28/TH1 30/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng; nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

**11. Hoá sinh lâm sàng: 2TC/30 giờ (LT 28/KT 2)**

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các hiện tượng hoá học xảy ra trong cơ thể người và ứng dụng chúng trong công tác nghiên cứu về thuốc và xét nghiệm cận lâm sàng, giúp cho công tác chẩn đoán và điều trị bệnh.

**12. Sinh học và di truyền: 2TC/30 giờ (LT 28/KT 2)**

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học đại cương, chủ yếu tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyên môn y dược như: Tế bào, các quy luật di truyền, sinh học phân tử, sinh phẩm dùng làm thuốc.

Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người.

**13. Xác suất – thống kê Y học: 2TC/45 giờ (LT 14/TH1 29/KT 2)**

Cung cấp các nội dung toán học phục vụ cho thống kê y học. Tổng quan về xác suất, khái niệm về thống kê, đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết thống kê, so sánh mẫu quan sát, phân tích hồi quy tương quan một biến số và hai biến số.... Tính toán các số đo bệnh trạng và số đo kết hợp sử dụng trong y học.

**14. Tâm lý y học – Đạo đức y học: 2TC/30 giờ (LT 28/KT 2)**

Cung cấp cho người học các kiến thức về Tâm lý y học, tâm lý bệnh nhân và đạo đức của người hành nghề y. Giúp cho người học nắm bắt, thấu hiểu tâm lý bệnh nhân và thực hành chuẩn mực về y đức của cán bộ y tế.

**15. Sinh lý bệnh – Miễn dịch: 3TC/45 giờ (LT 43/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh.

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn bệnh học, triệu chứng học và nghiên cứu khoa học.

#### **16. Vi sinh – Ký sinh trùng: 3TC/60 giờ (LT 29/TH2 29/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý.

Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh – cơ thể con người, môi trường chỉ phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.

Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

#### **17. Giải phẫu - Sinh lý: 5TC/120 giờ (LT 29/TH1 29/TH2 59/KT 3)**

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác; quan sát được cấu trúc vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của cơ thể người bình thường qua kính hiển vi quang học.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn học khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập

#### **18. Các chương trình y tế và Tổ chức-Quản lý y tế: 2TC/45 giờ (LT 14/ TH129/KT2)**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Các chương trình y tế đang triển khai trong hệ thống y tế Việt Nam hiện nay. Cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương.

Giúp người học vận dụng những kiến thức đã học về Các chương trình y tế, Tổ chức quản lý y tế vào công tác tại ngành y tế mà đặc biệt là quản lý các chương trình y tế tại Tuyến y tế cơ sở.

#### **19. Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp: 2TC/30 giờ (LT 28/KT 2)**

Giúp cho sinh viên có được các kiến thức chung nhất về môi trường ảnh hưởng sức khỏe, môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp. Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe con người. Nhận biết các bệnh nghề nghiệp thường gặp tại Việt Nam hiện nay và cách phòng ngừa. Cách xử trí, lập hồ sơ bệnh nghề nghiệp khi người lao động bị phơi nhiễm nghề nghiệp.

#### **20. Vệ sinh phòng bệnh: 2TC/30 giờ (LT 29/KT 1)**

Cung cấp cho người học những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, mối liên hệ giữa môi trường – sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật; các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cộng đồng, đề xuất biện pháp giải quyết nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng bệnh.

**21. Triệu chứng học nội khoa: 3TC/75 giờ (LT 29/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu sinh lý

Triệu chứng học nội khoa là môn học cơ bản cho các môn y học lâm sàng, giúp trang bị, hướng dẫn cho sinh viên y khoa cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác các triệu chứng cơ năng, thăm khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng thực thể, hiểu rõ cơ chế bệnh sinh của các rối loạn bệnh lý, nắm vững các thăm dò xét nghiệm cận lâm sàng để chỉ định và nhận định giá trị của các kết quả, cuối cùng giúp phân tích và tổng hợp các triệu chứng phát hiện được để tiến tới chẩn đoán các Bệnh nội khoa.

**22. Triệu chứng học ngoại khoa: 3TC/75 giờ (LT 29/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu sinh lý

Triệu chứng học ngoại khoa là môn học cơ bản cho các môn y học lâm sàng, giúp trang bị, hướng dẫn cho sinh viên y khoa cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác các triệu chứng cơ năng, thăm khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng thực thể, hiểu rõ cơ chế bệnh sinh của các rối loạn bệnh lý, nắm vững các thăm dò xét nghiệm cận lâm sàng để chỉ định và nhận định giá trị của các kết quả, cuối cùng giúp phân tích và tổng hợp các triệu chứng phát hiện được để tiến tới chẩn đoán các Bệnh ngoại khoa.

**23. Bệnh học Nội khoa: 5TC/135 giờ (LT 44/TH3 89/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học nội khoa.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội); Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

**24. Bệnh học Ngoại khoa: 5TC/135 giờ (LT 44/TH3 89/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học ngoại khoa.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (Ngoại chung và các chuyên khoa hệ Ngoại); Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

**25. Sản phụ khoa: 5TC/135 giờ (LT 44/TH3 89/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ: giai đoạn trước – trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành khám và chăm sóc người bệnh).

**26. Nhi khoa: 5TC/135 giờ (LT 44/TH3 89/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên trẻ em.

**27. Cấp cứu – Cấp cứu ngoại viện: 3TC/105 giờ (LT 14/TH3 89/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học nội khoa, Triệu chứng học ngoại khoa, Bệnh học nội khoa, Bệnh học ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa.

Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cấp cứu người bệnh, sơ cấp cấp người bệnh ngoại viện và xử trí vết thương ban đầu, chẩn đoán và điều trị cấp cứu người bệnh.

**28. Bệnh chuyên khoa: 3TC/75 giờ (LT 29/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Cung cấp kiến thức cơ bản về các loại bệnh thường gặp ở Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt, thần kinh tâm thần và một số bệnh da liễu hay gặp; Các biện pháp giáo dục cho bệnh nhân ở cộng đồng để họ tự biết cách phòng bệnh, phát hiện sớm và đi điều trị.

**29. Bệnh truyền nhiễm: 3TC/75 giờ (LT 29/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học nhiễm; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực truyền nhiễm; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm xã hội; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

**30. Y học cổ truyền: 2TC/60 giờ (LT 14/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giải phẫu sinh lý.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành khám và chăm sóc).

**31. Phục hồi chức năng: 2TC/60 giờ (LT 14/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giải phẫu sinh lý, Bệnh học nội khoa, Bệnh học ngoại khoa.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y học phục hồi, phục hồi chức năng, chương trình phục hồi chức năng cho một số bệnh, phục hồi chức năng ở cộng đồng.

**32. Y tế cộng đồng: 2TC/60 giờ (LT 14/TH3 44/KT 2)**

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người y sỹ trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng).

Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

### **33. Tâm thần: 2TC/60 giờ (LT 14/TH3 44/KT 2)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học nội khoa, Bệnh học nội khoa.

Cung cấp kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý của hệ thần kinh, nêu lên những triệu chứng chính, cách phát hiện, các phương pháp xử trí ban đầu các bệnh chuyên khoa thần kinh - tâm thần thường gặp ở cơ sở.

Cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về bệnh tâm thần để giúp cho việc chẩn đoán, điều trị và chăm sóc các bệnh tâm thần.

### **34. Thực tập tốt nghiệp: 4TC/180 giờ (TH3 175/KT 5)**

Điều kiện tiên quyết: Người học phải được học qua tất cả các học phần (Kể cả học phần chuyên ngành tự chọn).

Đợt thực tập tốt nghiệp được thực hiện vào cuối khóa học, giúp cho người học có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như công tác khám chữa bệnh, đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của y sỹ đa khoa, bác sĩ điều trị...và thực hiện được bệnh án cho từng loại bệnh.

### **35. Học phần chuyên ngành tự chọn 1:**

#### **Sức khỏe trẻ em Bổ trợ: 4TC/120 giờ (LT 28/TH3 89/KT 3)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học nội khoa, Nhi khoa.

Trang bị cho người học các kiến thức nâng cao về: Sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên trẻ em.

### **36. Học phần chuyên ngành tự chọn 2:**

#### **Sức khỏe sinh sản Bổ trợ: 4TC/120 giờ (LT 28/TH3 89/KT 3)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học nội khoa, Sản phụ khoa.

Cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng bổ trợ và nâng cao về Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Sản phụ khoa.

## **4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH:**

### **4.1. Các môn học chung/Đại cương bắt buộc**

- Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

### **4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:**

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của người học.

### **4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm với 6 học kỳ chính.

Nhà trường bố trí các môn học của 6 học kỳ đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của Chương trình đào tạo theo trình tự để người học học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

#### 4.4. Thực hành và thực tập tốt nghiệp

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối học kỳ VI (năm thứ 3) sau khi người học đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho người học đi thực tế ngành luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thời gian học tập thực tế tăng cường tại các cơ sở bệnh viện, trạm y tế cho phép người học tại trường có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

#### 4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của người học;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

#### 5. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học:

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở: Giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá môn học.

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận và được thông báo khi bắt đầu môn học.

- Thi kết thúc môn học được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà trường và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

#### 6. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Nhà trường và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Văn Trang**